

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 tỉnh Cao Bằng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 4 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 2508/TTr-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2021 tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2021 tỉnh Cao Bằng như sau:

1. Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2021 của 16 dự án với số vốn 302.595,950 triệu đồng;

b) Điều chỉnh, bổ sung tăng kế hoạch vốn năm 2021 của 30 dự án với số vốn 302.595,950 triệu đồng.

(Số liệu chi tiết các dự án như biểu số 1 kèm theo).

2. Nguồn vốn ngân sách Trung ương:

a) Nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước):

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2021 của 16 dự án với số vốn 169.520,413 triệu đồng;

- Điều chỉnh, bổ sung tăng kế hoạch vốn năm 2021 của 11 dự án với số vốn 169.520,413 triệu đồng.

(Số liệu chi tiết các dự án như biểu số 2 kèm theo).

b) Nguồn vốn ngân sách Trung ương (vốn nước ngoài):

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2021 của 01 dự án với số vốn 724,000 triệu đồng;

- Điều chỉnh, bổ sung tăng kế hoạch vốn năm 2021 của 01 dự án với số vốn 724,000 triệu đồng.

(Số liệu chi tiết các dự án như biểu số 3 kèm theo).

3. Nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương:

a) Bổ sung kế hoạch Nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2020: Bổ sung 09 dự án với tổng số vốn 124.700 triệu đồng.

(Số liệu chi tiết các dự án như biểu số 4.1 kèm theo).

b) Bổ sung kế hoạch Nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2021: Bổ sung 01 dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng với tổng số vốn 20.800,000 triệu đồng.

(Số liệu chi tiết các dự án như biểu số 4.2 kèm theo).

4. Nguồn tăng thu ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác năm 2021:

a) Nguồn tăng thu ngân sách địa phương:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2021 của 02 dự án với số vốn 80.000,000 triệu đồng;

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2021 của 01 dự án và bố trí Xây dựng nông thôn mới (*hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn và hỗ trợ đầu tư các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới*) với số vốn 12.030,000 triệu đồng.

b) Nguồn vốn được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh: Điều chỉnh giảm chỉ tiêu kế hoạch vốn năm 2021 của 03 dự án với số vốn 117.504,413 triệu đồng.

(Số liệu chi tiết các dự án như biểu số 5 kèm theo).

Các nội dung khác về Kế hoạch đầu tư công năm 2021 không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2020

của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

1. Căn cứ Nghị quyết này thực hiện điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021;

2. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2021 theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật khác có liên quan; báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định;

3. Chỉ đạo các chủ đầu tư rà soát phân vốn dôi dư của các dự án đã hoàn thành và hoàn thành trong năm 2021 để điều chỉnh sang các dự án khác theo quy định hiện hành tránh bị thu hồi vốn;

4. Căn cứ tình hình thực tế, tiếp tục xây dựng phương án điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch vốn năm 2021 của các dự án do tỉnh bố trí vốn theo quy định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 4 “*chuyên đề*” thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 10 năm 2021. *Th*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, Thành ủy, HEND, UBND các huyện, Thành phố;
- Trung tâm Thông tin-VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Triệu Đình Lê

TỔNG HỢP NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 69 /2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn: triệu đồng

Biểu	Nội dung	Kế hoạch năm 2021 (đã giao tại NQ số 58/2020/NQ-HĐND)	Điều chỉnh kế hoạch năm 2021		Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
	Tổng cộng	955.738,000	670.344,776	630.370,363	915.763,587	
Biểu 1	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2021	404.650,000	302.595,950	302.595,950	404.650,000	
Biểu 2	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) năm 2021	272.478,000	169.520,413	169.520,413	272.478,000	
Biểu 3	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) năm 2021	35.610,0000	724,0000	724,0000	35.610,0000	
Biểu 4.1	Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn dự phòng ngân sách trung ương năm 2020	-	-	124.700,0000	124.700,0000	Bổ sung vốn dự phòng NSTW theo Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 27/12/2020 của Thủ Tướng Chính phủ
Biểu 4.2	Bổ sung kế hoạch đầu tư vốn dự phòng ngân sách trung ương năm 2021	-	-	20.800,0000	20.800,0000	Bổ sung vốn theo QĐ 19/QĐ-TTg ngày 09/3/2021; Thực hiện theo quy trình quản lý văn bản mật
Biểu 5	Điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn tăng thu ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác năm 2021	243.000,0000	197.504,4130	12.030,0000	57.525,5870	

Biểu số 1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÁN ĐỘI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

Kèm theo Nghị quyết số 69 /2021/NQ-HĐND, ngày 08 tháng 9 năm 2021 của HĐND tỉnh Cao Bằng

Đơn vị: Triệu đồng



STT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2021				Biểu chỉnh kế hoạch năm 2021		Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn cân đối NSDP	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Giảm	Tăng	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			
1	TỔNG SỐ			7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
				16.147.582,464	2.533.705,412	6.513.152,970	2.543.791,009	1.005.352,392	404.650,000	302.595,950	302.595,950	816.352,392	404.650,000			
(I)	Vốn đầu tư trong các đối tượng sách địa phương			16.147.582,464	2.533.705,412	6.513.152,970	2.543.791,009	1.005.352,392	404.650,000	302.595,950	302.595,950	816.352,392	404.650,000			
A	Vốn đầu tư trong các đối tượng NSDP theo tiêu chí, định mức			16.147.582,464	2.533.705,412	6.513.152,970	2.543.791,009	1.005.352,392	404.650,000	302.595,950	302.595,950	816.352,392	404.650,000			
A.1	Tỉnh hỗ trợ			16.147.582,464	2.533.705,412	6.513.152,970	2.543.791,009	1.005.352,392	404.650,000	302.595,950	302.595,950	816.352,392	404.650,000			
	Trong đó:															
A.1.1	Tra các khoản vay tín dụng cho đầu tư					13.235,000	13.235,000	13.235,000	13.235,000	526,550		12.708,650	12.708,650			Đầu chỉnh giảm kế hoạch trả các khoản vay tín dụng theo Công văn số 1420/STC-TCĐT ngày 16/7/2021 của Sở Tài Chính
A.1.2	Tra nợ gốc các dự án ODA trong giai đoạn 2021-2025					42.703,494	42.703,494	2.158,000	2.158,000		3.061,671	5.219,671	5.219,671			Đầu chỉnh tăng do trả nợ nhanh theo Công văn số 1420/STC-TCĐT ngày 16/7/2021 của Sở Tài Chính
A.1.3	Phân bổ cho các ngành, lĩnh vực			16.147.582,464	2.533.705,412	6.457.214,476	2.487.855,515	989.959,392	389.257,000	302.069,000	299.534,279	798.424,671	386.722,279			
	Trong đó:															
I	Quốc phòng			109.373,112	99.540,720	84.649,392	82.673,000	20.362,392	18.386,000	15.000,000	23.919,000	29.281,392	27.205,000			
(1)	Đanh mục dự án khác công mới năm 2021			80.263,392	78.287,000	80.263,392	78.287,000	17.976,392	16.000,000	15.000,000	22.419,000	23.505,392	23.419,000			Dự án chưa được phê duyệt do Bộ Giao thông vận tải chưa có ý kiến hành chính
	Dự án nhóm C															
1	Bất kiểm soát, hàng rào biên giới, hàng rào ranh giới, đường cầu vượt biên giới trong Khu du lịch Thác Bản Giốc	TK		30.787,000	30.787,000	30.787,000	30.787,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000			Trích hàng mục hàng rào trong dự án Bất kiểm soát, hàng rào biên giới, hàng rào ranh giới, đường cầu vượt biên giới trong Khu du lịch Thác Bản Giốc thành dự án riêng biệt. Thông báo số 123/TB-VP ngày 23/6/2021 của Văn phòng UBND tỉnh. Chủ đầu tư đề xuất từ 10 triệu số 1234/TT-BCH ngày 27/7/2021
2	Hàng rào biên giới khu vực khu du lịch thác Bản Giốc	TK		1.500,000	1.500,000	1.500,000	1.500,000									Điều chỉnh tên dự án, thời gian KC-HT cho đúng theo QĐ phê duyệt dự án (số 123/QĐ-UBND ngày 28/9/2021). Dự án có hàng rào biên giới và giải ngân trong năm 2021, bổ sung vốn từ phần giảm của dự án khác sang theo đề xuất của CĐT
3	Dự án các hạng mục đầu tư khu vực phòng thủ tỉnh Cao Bằng năm 2021			22.500,000	22.500,000	22.500,000	22.500,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000						
4	Xây dựng các công trình phục vụ đầu tư khu vực phòng thủ tỉnh Cao Bằng năm 2021			22.500,000	22.500,000	22.500,000	22.500,000				21.419,000	21.419,000	21.419,000			
5	Công trình đầu tư phòng thủ huyện Hòa An	HA		2.976,392	1.000,000	2.976,392	1.000,000	2.976,392	1.000,000	-	-	2.976,392	1.000,000			Đầu chỉnh tên dự án KC-HT, TMDT, dự kiến KH trong hạn đầu tư theo QĐ số 50a/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND huyện Hòa An
(2)	Đanh mục dự án khác công mới năm 2021			29.109,720	21.253,720	4.856,000	4.386,000	2.386,000	2.386,000		1.500,000	3.886,000	3.886,000			
	Dự án nhóm C															
1	Tram kiểm soát, đường đầu nối biên giới và khu vực cảnh quan Khu du lịch thác Bản Giốc, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	TK		29.109,720	21.253,720	4.856,000	4.386,000	2.386,000	2.386,000		1.500,000	3.886,000	3.886,000			Đầu 30/6/2021, dự án đã giải ngân xong KH được giao, bổ sung kế hoạch vốn cho dự án đầu tư theo dự kiến kế hoạch trong hạn và có thể hoàn thành trong năm 2021 như đề xuất
II	Giáo dục, đào tạo và giải quyết việc làm			466.432,500	114.784,169	112.910,000	112.330,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	17.466,000	17.466,000	17.466,000			
(1)	Đanh mục dự án khác công mới năm 2021			466.432,500	114.784,169	112.910,000	112.330,000	10.000,000	10.000,000		17.466,000	17.466,000	17.466,000			
	Dự án nhóm B															
I	Trường mầm non Sông Hiến A, thành phố Cao Bằng	TPCB		52.432,000	52.432,000	52.432,000	52.432,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000						Điều chỉnh tên dự án, sửa TMDT cho đúng theo QĐ phê

STT	Đanh mục dự án	Định mức đầu tư (tính theo đơn vị tính: triệu đồng)	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2021 (tính theo số 58/2020/QĐ-UBND ngày 16/12/2020)		Điều chỉnh kế hoạch năm 2021 (Vấn đề của NSDP)		Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn của NSDP	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Ghiảm	Tăng	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	
1	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm		Giai đoạn 1: 2020-2024 Giai đoạn 2: năm 2025	1212/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của TT-CP	12.546.000.000	800.000.000	5.130.500.000	1.465.237.074	702.500.000	200.000.000	200.000.000	372.000.000	
2	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
3	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
4	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
5	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
6	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
7	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
8	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
9	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
10	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
11	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
12	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
13	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
14	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
15	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
16	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
17	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
18	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
19	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
20	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
21	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
22	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
23	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
24	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
25	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
26	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
27	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
28	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
29	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
30	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
31	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
32	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
33	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
34	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
35	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
36	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
37	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
38	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
39	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
40	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
41	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
42	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
43	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
44	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
45	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
46	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
47	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
48	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
49	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
50	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
51	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
52	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
53	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
54	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
55	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
56	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
57	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
58	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
59	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
60	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
61	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
62	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
63	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
64	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
65	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
66	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
67	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
68	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
69	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
70	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
71	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
72	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
73	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
74	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
75	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
76	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
77	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
78	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
79	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
80	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
81	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
82	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
83	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
84	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
85	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
86	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
87	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
88	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
89	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
90	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
91	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
92	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
93	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
94	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
95	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
96	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
97	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
98	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
99	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												
100	Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư	1155sm												



STT	Danh mục dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2021 (tái bổ sung kế hoạch năm 2021)				Điều chỉnh kế hoạch năm 2021				Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh				Ghi chú
			TMDT		Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP	Tổng số (tích cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn cân đối NSDP	Tổng số (tích cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Giảm	Tăng	Tổng số (tích cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP									
			Tổng số	Trong đó: vốn CD NSDP																			
<																							

ĐH



STT	Danh mục dự án	Điểm đến	Số quyết định, nghị, thông, ban hành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trong hạn giải ngân 2021-2025				Kế hoạch năm 2021 (tính từ số 58/2020/QĐ-HĐND ngày 16/12/2020)				Điều chỉnh kế hoạch năm 2021 (Vốn cân đối NSDP)		Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		Ghi chú
				TMDT	Tăng số	Trong đó: vốn CD NSDP	Tăng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn cân đối NSDP	Tăng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Giảm	Tăng	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP						
11.5	Dự án			223.988,465	193.988,465	59.000,000	59.000,000	46.000,000	26.000,000	1.000,000	11.000,000	56.000,000	36.000,000							
(1)	Danh mục dự án hoàn thành trước 31/12/2020			119.988,465	119.988,465	5.000,000	5.000,000	-	-	-	5.000,000	5.000,000	5.000,000							
Dự án nhóm C																				
1	Đường từ đi tích danh lam thắng cảnh quốc gia Đông Dục (Xã Bằng Lữ, huyện Hà Lang, tỉnh Cao Bằng) đến Khu du lịch thác Bản Giốc (Xã Đám Thụy, huyện Trung Khanh, tỉnh Cao Bằng)	HL	2016-28/10/2016; 1532/QĐ-UBND 25/10/2018	119.988,465	119.988,465	5.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	-	5.000,000	5.000,000	5.000,000	Bổ sung vốn thanh toán khối trong hoàn thành. Chỉ đầu tư để xuất từ Báo cáo số 578/BĐC-BDCLCT ngày 16/6/2021						
(2)	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021			100.000,000	70.000,000	30.000,000	30.000,000	45.000,000	25.000,000	-	5.000,000	50.000,000	30.000,000							
Dự án nhóm C																				
1	Phủ di bộ ven sông Bằng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng		2020-2397/QĐ-UBND ngày 26/12/2019	100.000,000	70.000,000	50.000,000	50.000,000	45.000,000	25.000,000	-	5.000,000	50.000,000	30.000,000	Bổ sung vốn cho dự án để hoàn thành trong năm 2021, góp phần phục vụ phát triển du lịch tại địa phương						
(3)	Danh mục dự án khác cùng với năm 2021			4.000,000	4.000,000	4.000,000	4.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000							
Dự án nhóm C																				
1	Dự án đầu tư xây dựng và hình thành ảnh (check in), giới thiệu giá trị các di sản văn hóa chất trong vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng	Tại các trung tâm du lịch (check in) tại các điểm du lịch văn hóa, cảnh quan hấp dẫn trong các trung tâm du lịch C&H	2021-2033/QĐ-SXD 23/12/2020	2.000,000	2.000,000	2.000,000	2.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	-	-	-	Điều chỉnh tên dự án cho đúng theo QĐ phê duyệt dự án (số 2695/QĐ-UBND, 25/12/2020), bổ sung vốn cho dự án (số 2094/QĐ-UBND, 25/12/2020)						
2	Dự án đầu tư xây dựng và hình thành ảnh (check in), giới thiệu giá trị các di sản văn hóa chất trong vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng	Tại các trung tâm du lịch (check in) tại các điểm du lịch văn hóa, cảnh quan hấp dẫn trong các trung tâm du lịch C&H	2021-2033/QĐ-SXD 23/12/2020	2.000,000	2.000,000	2.000,000	2.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000	1.000,000							
11.6	Công nghệ thông tin			65.997,000	65.997,000	65.997,000	65.997,000	7.000,000	7.000,000	7.000,000	8.340,279	8.340,279	8.340,279							
(1)	Danh mục dự án khác cùng với năm 2021			65.997,000	65.997,000	65.997,000	65.997,000	7.000,000	7.000,000	7.000,000	8.340,279	8.340,279	8.340,279							
Dự án nhóm C																				
1	Dầu tư xây dựng hệ thống nhà CSDL chuyên ngành	TPCB	2021-2694/QĐ-UBND, 25/12/2020	8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000	2.000,000	2.000,000	2.000,000	-	-	-	Điều chỉnh tên dự án, TMDT cho đúng theo QĐ phê duyệt dự án (số 2695/QĐ-UBND, 25/12/2020), bổ sung vốn cho dự án (số 2094/QĐ-UBND, 25/12/2020)						
2	Dầu tư xây dựng hệ thống nhà cơ sở dữ liệu chuyên ngành	TPCB	2021-2694/QĐ-UBND, 25/12/2020	7.998,500	7.998,500	7.998,500	7.998,500	7.998,500	7.998,500	-	2.000,000	2.000,000	2.000,000							
3	Xây dựng các CSDL chuyên ngành	TPCB	2021-2694/QĐ-UBND, 25/12/2020	25.000,000	25.000,000	25.000,000	25.000,000	5.000,000	5.000,000	5.000,000	-	-	-	Điều chỉnh tên dự án, TMDT cho đúng theo QĐ phê duyệt dự án (số 2695/QĐ-UBND, 25/12/2020), bổ sung vốn cho dự án (số 2094/QĐ-UBND, 25/12/2020)						
4	Xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành	TPCB	2021-2695/QĐ-UBND, 25/12/2020	24.998,500	24.998,500	24.998,500	24.998,500	24.998,500	24.998,500	-	6.340,279	6.340,279	6.340,279	Điều chỉnh tên dự án, TMDT cho đúng theo QĐ phê duyệt dự án (số 2695/QĐ-UBND, 25/12/2020), bổ sung vốn cho dự án (số 2094/QĐ-UBND, 25/12/2020)						
Dự án nhóm C																				
11.7	Quy hoạch			99.822,000	99.822,000	78.045,498	78.045,498	20.000,000	20.000,000	20.000,000	20.000,000	20.000,000	20.000,000							
(1)	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021			99.822,000	99.822,000	78.045,498	78.045,498	20.000,000	20.000,000	20.000,000	20.000,000	20.000,000	20.000,000							
Dự án nhóm C																				
1	Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2025, tầm nhìn đến 2050		2020-2088/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	49.911,000	49.911,000	39.022,749	39.022,749	20.000,000	20.000,000	20.000,000	-	-	-	Điều chỉnh tên dự án, TMDT cho đúng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch						
1	Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050		2020-2088/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	49.911,000	49.911,000	39.022,749	39.022,749	20.000,000	20.000,000	20.000,000	-	-	-							
Dự án nhóm C																				
11.8	Các công trình công cộng tại các địa phương			336.753,535	-	22.642,000	22.642,000	-	-	-	22.642,000	22.642,000	22.642,000							
(1)	Danh mục dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020			336.753,535	-	22.642,000	22.642,000	-	-	-	22.642,000	22.642,000	22.642,000							
Dự án nhóm C																				
1	Các công trình kỹ thuật hạ tầng khu trung tâm chính trị Đảng, Nhà nước Cao Bằng (trụ sở UBND tỉnh Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng)		2024/QĐ-UBND, 30/12/2021; 2999/QĐ-UBND, 31/12/2020	316.648,000	-	16.392,000	16.392,000	-	-	-	16.392,000	16.392,000	16.392,000							

ĐK

STT	Đanh mục dự án	Số quyết định, nghị, thông, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2021 (tính theo số 58/2020/QĐ-HĐND ngày 16/12/2020)		Điều chỉnh kế hoạch năm 2021 (Vấn đề đối NSDP)		Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Tổng số	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	
2	Hà Long là tỉnh 15-16 km do thị trấn Thành phố Cao Bằng	2270/QĐ-UBND, 14/12/2015	20.105.535	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	10.837.587	16.999.944	25.667.587	20.970.944	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	
(1)	Đanh mục dự án đã hoàn thành, báo cáo đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2016-2020	81.141.000	-	3.971.000	3.971.000	-	-	-	-	-	-	-	
	Dự án nhân C												
1	Sản xuất nông nghiệp khu trung tâm chính trị Đê Thâm, thị xã Cao Bằng (truy là thành phố Cao Bằng), tỉnh Cao Bằng	1917/QĐ-UBND, 01/9/2011	81.141.000	3.971.000	3.971.000	3.971.000	3.971.000	3.971.000	3.971.000	3.971.000	3.971.000	3.971.000	
(1)	Đanh mục dự án khu công mới năm 2021	21.696.587	16.999.944	21.696.587	16.999.944	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	
	Dự án nhân C												
1	Cải tạo, nâng cấp đường Chính trị Hoàng Đình Giọng	2677/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	11.999.944	11.999.944	11.999.944	1.000.000	1.000.000	-	-	1.000.000	1.000.000	1.000.000	Điều chỉnh tổng mức đầu tư cho đúng theo QĐ số 2677/QĐ-UBND, 25/12/2020
2	Trụ sở làm việc UBND xã Quảng Trung, huyện Hòa An	Số 3645/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	9.696.643	5.000.000	5.000.000	2.500.000	2.500.000	-	-	2.500.000	2.500.000	2.500.000	Điều chỉnh TNHDT, dự kiến trong hạn cho đúng theo QĐ phê duyệt dự án (số 3645/QĐ-UBND ngày 24/12/2020)
VI	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		337.398.615	337.398.615	31.417.000	31.417.000	30.261.000	30.261.000	13.000.000	156.000	17.417.000	17.417.000	
(1)	Đanh mục dự án hoàn thành, báo cáo, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020		-	-	156.000	156.000	-	-	-	156.000	156.000	156.000	
	Dự án nhân C												
1	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Khu trung tâm hành chính tỉnh, phường Đê Thâm, thị xã Cao Bằng	2230/QĐ-UBND 07/10/2011	327.398.615	156.000	156.000	-	-	13.000.000	156.000	156.000	156.000	156.000	Bổ sung để trả vốn trước theo đề xuất tại Công văn số 1115/QLĐA-KHĐT ngày 19/7/2021 của Ban QLĐA địa phương và xây dựng tỉnh Cao Bằng
(2)	Đanh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021		327.398.615	327.398.615	31.261.000	31.261.000	30.261.000	30.261.000	-	17.261.000	17.261.000	17.261.000	Điều chỉnh giảm do dự án không có khả năng được hiện và giải ngân trong năm 2021
1	Bồi thường, hỗ trợ và TĐC đường phía Nam Khu đô thị mới, TP.CB. Lý trình km0+00-km5+896,52	2021-1229/QĐ-UBND, 22/7/2016	319.398.615	319.398.615	25.261.000	25.261.000	25.261.000	25.261.000	8.000.000	17.261.000	17.261.000	17.261.000	Điều chỉnh giảm do dự án không có khả năng được hiện và giải ngân trong năm 2021
2	Khu nhà ở trung tâm khu vực phía Bắc tỉnh, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng	TK	8.000.000	8.000.000	6.000.000	6.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	-	-	-	Chia đầu tư để xây dựng nhà ở tại thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng (Số 324/QĐ-UBND ngày 18/6/2021; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1136/QĐ-UBND ngày 01/7/2021)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định, nghị, văn bản ban hành	Quyết định đầu tư ban đầu										Kế hoạch năm 2021 (từ NO số 58/2020/QĐ-HĐND ngày 16/12/2020)	Điểm chỉnh kế hoạch năm 2021 vốn NSTW	Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh	Ghi chú
							TAMDT		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2021		Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Chẩn				
							9	10	11	12	13	14								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	0
	TỔNG SỐ							17.428.643,000	4.685.411,000	7.532.026,000	2.574.926,000	949.478,000	272.478,000	169.520,413	169.520,413	949.478,000	272.478,000			
A	Nhà máy điện nhiệt công suất 973,020MW (8/7/2014 ngày 8/7/2020)							17.428.643,000	4.685.411,000	7.532.026,000	2.574.926,000	949.478,000	272.478,000	169.520,413	169.520,413	949.478,000	272.478,000			
1	Quốc phòng							335.000,000	335.000,000	261.500,000	261.500,000	12.500,000	12.500,000	5.352,413	23.500,000	30.647,587	30.647,587			
(1)	Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2021							85.000,000	85.000,000	11.500,000	11.500,000	11.500,000	11.500,000	4.352,413		7.147,587	7.147,587			
	Dự án nhóm B																			
1	Đường giao thông Dành BP Cầu Yên - Xã Cầu Nhông (mức 61) huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng						1978/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	85.000,000	85.000,000	11.500,000	11.500,000	11.500,000	11.500,000	4.352,413		7.147,587	7.147,587			
(2)	Danh mục dự án chuẩn bị đầu tư							125.000,000	125.000,000	125.000,000	125.000,000	1.000,000	1.000,000			-	-			
	Dự án nhóm B																			
1	Ra phát bơm nư, và nổ phực vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025							45.000,000	45.000,000	45.000,000	45.000,000	500,000	500,000	500,000	500,000		-	-		
2	Đường giao thông dân lặc phòng Các Phường (Mức 155) ra các Mực từ 520 đến 534							80.000,000	80.000,000	80.000,000	80.000,000	500,000	500,000	500,000	500,000		-	-		
(3)	Danh mục dự án khởi công mới năm 2021							125.000,000	125.000,000	125.000,000	125.000,000	-			23.500,000	23.500,000				
1	Ra phát bơm nư, và nổ phực vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025							45.000,000	45.000,000	45.000,000	45.000,000	500,000	500,000	500,000	500,000	20.000,000	20.000,000			
2	Đường giao thông dân lặc phòng Các Phường (155) ra các Mực từ 520 đến 534							80.000,000	80.000,000	80.000,000	80.000,000	500,000	500,000	500,000	500,000	3.500,000	3.500,000			
II	Giao dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp							144.000,000	144.000,000	144.000,000	144.000,000	500,000	500,000	500,000	500,000	1.500,000	1.500,000			
(1)	Danh mục dự án chuẩn bị đầu tư							72.000,000	72.000,000	72.000,000	72.000,000	500,000	500,000	500,000	500,000	-	-			
	Dự án nhóm B																			
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng - giai đoạn II							72.000,000	72.000,000	72.000,000	72.000,000	500,000	500,000	500,000	500,000		-	-		
(2)	Danh mục dự án khởi công mới năm 2021							72.000,000	72.000,000	72.000,000	72.000,000	-			1.500,000	1.500,000				
	Dự án nhóm B																			
I	Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng - giai đoạn II							72.000,000	72.000,000	72.000,000	72.000,000	500,000	500,000	500,000	500,000		-	-		
(2)	Danh mục dự án khởi công mới năm 2021							72.000,000	72.000,000	72.000,000	72.000,000	-			1.500,000	1.500,000				
	Dự án nhóm B																			
I	Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Cao Bằng - giai đoạn II							72.000,000	72.000,000	72.000,000	72.000,000	500,000	500,000	500,000	500,000		-	-		
(2)	Danh mục dự án khởi công mới năm 2021							72.000,000	72.000,000	72.000,000	72.000,000	-			1.500,000	1.500,000				
	Dự án nhóm B																			
III	Văn hóa thông tin							376.000,000	107.400,000	376.000,000	107.400,000	110.000,000	5.000,000							
III.1	Văn hóa																			
(1)	Danh mục dự án khởi công mới							376.000,000	107.400,000	376.000,000	107.400,000	110.000,000	5.000,000							
	Dự án nhóm B																			
1	Bảo tàng tỉnh Cao Bằng							376.000,000	107.400,000	376.000,000	107.400,000	110.000,000	5.000,000							
IV	Các hoạt động kinh tế							16.573.643,000	4.099.011,000	6.743.526,000	2.062.026,000	826.478,000	254.478,000	163.668,000	87.016,000	749.826,000	177.826,000			
IV.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, dịch vụ nông nghiệp, thủy lợi và thủy sản							399.958,000	378.826,000	225.826,000	225.826,000	84.494,000	84.494,000	29.668,000	4.000,000	58.826,000	58.826,000			
(1)	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021							277.958,000	258.426,000	105.826,000	105.826,000	83.994,000	83.994,000	29.168,000	-	54.826,000	54.826,000			
	Dự án nhóm B																			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Ngày phê duyệt dự án	Thời gian KC-HTT	Số quyết định, nghị, thông, mệnh lệnh	Quyết định đầu tư ban đầu				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch năm 2021 (tài NO số 58/2020/QĐ-HĐND ngày 16/12/2020)				Đầu chính kế hoạch năm 2021 vốn NSTW	Tăng	Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh	Ghi chú
								TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Giảm								
1	Kế hoạch sát lại báo động bằng, báo về khu dân cư thị trấn nước Hát, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng							2019-2021	1411/QĐ-UBND, ngày 29/8/2019	88.832.000	88.832.000	9.832.000	9.832.000	14.000.000	14.000.000	4.168.000	9.832.000	9.832.000	Đầu chính giảm do đã được phân bổ sang nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương sau cuối năm 2020 (tài Quyết định số 2788/QĐ-UBND, ngày 30/12/2020)				
2	Kế hoạch sát lại báo động bằng, báo về khu dân cư thị trấn nước Hát, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng							2018-2020	Số 136/QĐ-UBND, ngày 29/8/2017	119.994.000	119.994.000	54.994.000	54.994.000	54.994.000	54.994.000	20.000.000	34.994.000	34.994.000	Không có khả năng thực hiện và giải ngân hết số vốn đã được giao trong năm 2021, điều chỉnh giảm cho dự án khác				
3	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Cao Bằng							2015-2024	QĐ số 1976/QĐ-UBND, ngày 30/10/2015	69.132.000	50.000.000	41.000.000	41.000.000	15.000.000	15.000.000	5.000.000	10.000.000	10.000.000	Không có khả năng thực hiện và giải ngân hết số vốn đã được giao trong năm 2021, điều chỉnh giảm cho dự án khác				
(2)	Danh mục dự án chuẩn bị đầu tư									60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	500.000	500.000	-	-	-					
Dự án nhóm B																							
1	Báo về phát triển rừng QĐ 2021-2025							2021-2024	Số 963/QĐ-UBND, ngày 31/5/2021	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	500.000	500.000	500.000	-	-					
(3)	Danh mục dự án khởi công mới năm 2021									60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	-	-	4.000.000	4.000.000	4.000.000					
Dự án nhóm B																							
III.2	Công nghiệp									1.638.000.000	1.638.000.000	360.000.000	360.000.000	500.000	500.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000					
(1)	Danh mục dự án chuẩn bị đầu tư									819.000.000	819.000.000	180.000.000	180.000.000	500.000	500.000	-	-	-					
Dự án nhóm B																							
1	Dự án cấp điện cho các xóm chưa có điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng							2021-2024	Số 2422/QĐ-UBND, ngày 09/12/2020	819.000.000	819.000.000	180.000.000	180.000.000	500.000	500.000	500.000	-	-	Đầu chính DA từ danh mục chuẩn bị đầu tư sang danh mục KCNT; Báo sung vốn cho dự án để thực hiện các dự án khác để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án trong năm 2021				
(2)	Danh mục dự án khởi công mới năm 2021									819.000.000	819.000.000	180.000.000	180.000.000	-	-	5.000.000	5.000.000	5.000.000					
Dự án nhóm B																							
1	Dự án cấp điện cho các xóm chưa có điện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng							2021-2024	Số 854/QĐ-UBND, ngày 26/5/2021	819.000.000	819.000.000	180.000.000	180.000.000	500.000	500.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000					
III.3	Giao thông									1.431.765.000	1.431.765.000	6.002.700.000	1.326.200.000	740.484.000	168.484.000	132.500.000	685.500.000	113.500.000					
(1)	Danh mục dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020									591.685.000	591.685.000	98.000.000	98.000.000	35.984.000	35.984.000	62.016.000	98.000.000	98.000.000					
Dự án nhóm B																							
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 206 (QL-3- Thác Bản Sòng - Trại Lành (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư							2021	1633/QĐ-UBND, ngày 30/9/2015	591.685.000	591.685.000	98.000.000	98.000.000	35.984.000	35.984.000	62.016.000	98.000.000	98.000.000	Bỏ trị dự án thành toàn kế hoạch tương hoàn thành				
(2)	Danh mục dự án chuẩn bị đầu tư									12.546.000.000	12.546.000.000	4.812.000.000	4.812.000.000	702.500.000	702.500.000	-	572.000.000	-					
Dự án nhóm A																							
1	Dự án xây dựng tuyến cao tốc Đường Đông (tỉnh Lạng Sơn) - Trại Lành (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư							Giai đoạn 1- 2020-2024; giai đoạn 2: sau năm 2025	1212/QĐ-TTg, ngày 08/8/2020 của TTGCT	12.546.000	130.500	4.812.000	130.500	702.500.000	130.500.000	130.500.000	-	372.000.000	Dự án chưa có Quyết định đầu tư, hiện do trong quá trình đầu tư chính, nhận tài trợ từ nguồn vốn khác để tiếp tục đầu tư, hiện đang chờ phê duyệt dự án đầu tư, hiện đang chờ phê duyệt dự án đầu tư, hiện đang chờ phê duyệt dự án đầu tư				
(4)	Danh mục dự án chuẩn bị đầu tư									790.000.000	790.000.000	722.700.000	722.700.000	2.000.000	2.000.000	500.000	500.000	500.000					

TT	Đánh mục dự án	Chức năng	Mô tả dự án	Đơn vị quản lý	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quỹ định đầu tư ban đầu		Kế hoạch trong hạn giải ngân 2021-2025		Kế hoạch năm 2021 (tính từ số 58/2020/QĐ-HĐND ngày 16/12/2020)		Điều chỉnh kế hoạch năm 2021 vốn NSTW	Tăng	Tổng số (tổng cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn NSTW	Ghi chú
						TAMDT	Trong đó: NSTW	Tổng số (tổng cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Giảm						
1	Đường từ UBND xã Sơn Lập (Bão Lạc) - UBND xã Yên Thái (Bão Lạn), tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông			2021-2024	893/QĐ-UBND 30/5/2021	200.000.000	200.000.000	200.000.000	157.700.000	157.700.000	500.000	500.000	500.000	-	
2	Đường từ xã Sơn Lập (Bão Lạc) - xã Yên Thái (Bão Lạn), tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	Báo Lạc, Báo Lạn		2021-2024	S6/346/QĐ-UBND 09/12/2020	200.000.000	200.000.000	180.000	180.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	Đường tỉnh 10, xã Sơn Lập (Bão Lạc) - xã Yên Thái (Bão Lạn), tỉnh Cao Bằng
3	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 205	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	Tỉnh Cao Bằng		2021-2024	S6/346/QĐ-UBND 09/12/2020	180.000	180.000	180.000	180.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	
4	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 205	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	Tỉnh Cao Bằng		2021-2024	S6/346/QĐ-UBND 09/12/2020	80.000	80.000	80.000	80.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	
5	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 205	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	Báo Lạc		2021-2024	S6/346/QĐ-UBND 09/12/2020	130.000	110.000	110.000	110.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	
(4)	Đánh mục dự án khác công mới năm 2021						390.000.000	370.000.000	370.000.000	370.000.000	-	-	-	15.000.000	15.000.000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 205	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	Tỉnh Cao Bằng		2021-2024	S6/890/QĐ-UBND 30/5/2021	180.000	180.000	180.000	180.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 205	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	Tỉnh Cao Bằng		2021-2024	S6/890/QĐ-UBND 30/5/2021	80.000	80.000	80.000	80.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	
3	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 205	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	Báo Lạc		2021-2024	S6/1201/QĐ-UBND 09/12/2021	130.000	110.000	110.000	110.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	
III.4	Dự án khác						120.000.000	120.000.000	50.000.000	50.000.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	
(1)	Đánh mục dự án khác công mới năm 2021						120.000.000	120.000.000	50.000.000	50.000.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	
	Dự án khác															
1	Cơ sở hạ tầng tại khu du lịch Thác Bản Giốc huyện Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông			2021-2024		120.000	120.000	50.000	50.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	
III.5	Công nghệ thông tin						100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	
(1)	Đánh mục dự án khác công mới năm 2021						50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	
	Dự án khác															
1	Chuyển đổi, chuẩn hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giải ngân 2021-2025	Sở Thông tin và Truyền thông			2021-2024	S6/247/QĐ-UBND 09/12/2020	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	
(2)	Đánh mục dự án khác công mới năm 2021						50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	-	-	-	500.000	500.000	
	Dự án khác															
1	Chuyển đổi, chuẩn hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giải ngân 2021-2025	Sở Thông tin và Truyền thông			2021-2024	S6/247/QĐ-UBND 09/12/2020	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	
	Dự án khác															

Đánh mục dự án khác công mới năm 2021

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HTT	Số quyết định, ngày thành, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn DP NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn DP NSTW	Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn DP NSTW	Chi chi
1	2	7	8	9	10	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TONG SỐ			382.620.000	204.700.000	347.620.000	179.700.000	10.000.000	-	-	124.700.000	130.200.000	124.700.000	Bổ sung vốn dự phòng NSTW theo Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 27/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung kinh phí cho các địa phương; Công văn số 1509/ĐTC-NSNN ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính về việc hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW 2020
A	Nguồn vốn dự phòng ngân sách trung ương			382.620.000	204.700.000	347.620.000	179.700.000	10.000.000	-	-	124.700.000	130.200.000	124.700.000	
I	Các hoạt động kinh tế			382.620.000	204.700.000	347.620.000	179.700.000	10.000.000	-	-	124.700.000	130.200.000	124.700.000	
I.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			357.000.000	186.700.000	322.000.000	161.700.000	10.000.000	-	-	106.700.000	106.700.000	106.700.000	
(I)	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021			100.000.000	90.000.000	65.000.000	65.000.000	10.000.000	-	-	10.000.000	10.000.000	10.000.000	
	Dự án nhóm B													
I	Dự án Kê chống sụt lún, ổn định dân cư bờ phải sông hiện, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	2020-2021	869/QĐ-UBND, ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh	100.000.000	90.000.000	65.000.000	65.000.000	10.000.000	-	-	10.000.000	10.000.000	10.000.000	
(2)	Dự án khai công mới			257.000.000	96.700.000	237.000.000	96.700.000	-	-	-	96.700.000	96.700.000	96.700.000	
	Dự án nhóm B													
1	Dự án Kê chống sụt lún bờ phải thị trấn Thanh Nhàn và Khắc phục, sửa chữa hệ thống thủy lợi thị trấn Thanh Nhàn, huyện Hòa Lãng, tỉnh Cao Bằng	2021-2023	449/QĐ-UBND, ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh	65.000.000	30.000.000	65.000.000	30.000.000			-	30.000.000	30.000.000	30.000.000	
2	Kê chống sụt lún bờ sông Thắc Dục, xã Thắc Dục, huyện Nguyễn Bình	2021-2023	450/QĐ-UBND, ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh	50.000.000	20.000.000	50.000.000	20.000.000			-	20.000.000	20.000.000	20.000.000	
3	Dự án Bờ tả dân cư vùng thiên tai xóm Bàn Rẻng, xã Sơn Lả, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	2021-2022	453/QĐ-UBND, ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh	40.000.000	10.000.000	40.000.000	10.000.000			-	10.000.000	10.000.000	10.000.000	
4	Dự án Bờ tả dân cư vùng thiên tai xóm Cốc Ngựa, xóm Riềng Thuồng, xã Hùng Đạo, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	2021-2022	454/QĐ-UBND, ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh	40.000.000	10.000.000	40.000.000	10.000.000			-	10.000.000	10.000.000	10.000.000	
5	Dự án Bờ tả dân cư thiên tai thôn Nặm Dang, Pò Lãng xã Quang Trung, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	2021-2022	455/QĐ-UBND, ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh	40.000.000	10.000.000	40.000.000	10.000.000			-	10.000.000	10.000.000	10.000.000	
6	Dự án Khắc phục hậu quả thiên tai và di dân ra khỏi vùng sụt lún tại tổ 16 phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	2021-2022	456/QĐ-UBND, ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh	22.000.000	16.700.000	22.000.000	16.700.000			-	16.700.000	16.700.000	16.700.000	
12	Giáo thông			25.620.000	18.000.000	25.620.000	18.000.000	-	-	-	18.000.000	22.500.000	18.000.000	
(I)	Dự án khai công mới			25.620.000	18.000.000	25.620.000	18.000.000	-	-	-	18.000.000	23.500.000	18.000.000	
	Dự án nhóm B													
	Dự án cải tạo, sửa chữa khắc phục hậu quả thiên tai bão lũ đường tỉnh 216 (đoạn từ Tân Thông Nông, xã Thanh Lãng) huyện Hòa Lãng, tỉnh Cao Bằng. Lý trình Km22-Km32+100	2021-2023	451/QĐ-UBND, ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000			-	12.000.000	12.000.000	12.000.000	
2	Dự án cải tạo, sửa chữa khắc phục hậu quả thiên tai bão lũ đường giao thông liên xã Lê Lợi- Danh Sĩ, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	2021-2022	452/QĐ-UBND, ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh	13.620.000	6.000.000	13.620.000	6.000.000			-	6.000.000	11.500.000	6.000.000	

Biểu số 4.2



BỘ SƯNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2021
 69 /2021/NQ-HĐND, ngày 29 tháng 9 năm 2021 của HĐND tỉnh Cao Bằng) *ĐK*

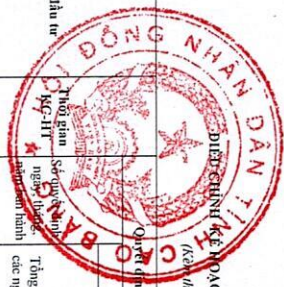
DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2021 theo NQ số 58/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020		Điều chỉnh kế hoạch năm 2021 Vốn DP NSTW		Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn DP NSTW	Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn DP NSTW	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	-	-	-	20.800,000	20.800,000	20.800,000	
A	Vốn dự phòng ngân sách trung ương năm 2021	-	-	-	20.800,000	20.800,000	20.800,000	
I	Quốc phòng	-	-	-	20.800,000	20.800,000	20.800,000	
(I)	Danh mục dự án chuyển tiếp	-	-	-	20.800,000	20.800,000	20.800,000	
	Gồm có 01 dự án				20.800,000	20.800,000	20.800,000	Bổ sung vốn theo QĐ 19/QĐ-TTg ngày 09/3/2021; Thực hiện theo quy trình quản lý vốn bản mặt

Biên số 5
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN TĂNG THỤ NGUYÊN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Hạng mục Sống, chết ngày / tháng / năm đến nay	Quỹ đầu tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch năm 2021 (tính theo số 58/2020/QĐ-HĐND ngày 16/12/2020)		Điều chỉnh kế hoạch năm 2021		Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		Ghi chú	
				TMDT	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tăng thu NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tăng thu NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tăng thu NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn tăng thu NSDP và các nguồn vốn hợp pháp khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ				1.360.000,000	834.580,000	1.324.500,000	1.081.030,000	253.000,000	243.000,000	197.504.413	12.030,000	124.171,000	57.525,587	
A	Nguồn vốn tăng thu ngân sách địa phương				611.000,000	545.580,000	585.500,000	557.030,000	85.000,000	80.000,000	80.000,000	12.030,000	16.171,000	12.030,000	
1	Giao thông				608.000,000	545.000,000	570.000,000	545.000,000	85.000,000	80.000,000	80.000,000	-	671,000	-	
(1)	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021				108.000,000	50.000,000	70.000,000	50.000,000	20.000,000	20.000,000	20.000,000	-	-	-	
	Dự án nhóm B														
1	Đường giao thông quốc lộ 34, xã Phạm Thanh - Khu du lịch Páa Oắc, Páa Dền, xã Thành Công, xã Hùng Đạo, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng	UBND huyện Nguyễn Bình		2395, 26/12/2019	108.000,000	50.000,000	70.000,000	50.000,000	20.000,000	20.000,000	20.000,000	-	-	-	Dự án thuộc đối tượng thực hiện tiết kiệm 10% tổng mức đầu tư đến hết năm 2020 đã bỏ từ dự án nên không dự kiến bỏ từ vốn trong KII tương hạn GP 2021-2025
(2)	Danh mục dự án khởi công mới năm 2021				500.000,000	495.000,000	500.000,000	495.000,000	65.000,000	60.000,000	60.000,000	-	671,000	-	
	Dự án nhóm B														
1	Dự án đầu tư xây dựng đường từ Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng - xã Quảng Trung, huyện Hòa An (đỉnh hướng kết nối cao tốc), tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA DT&XD các công trình giao thông tỉnh Cao Bằng	2021-2024		500.000,000	495.000,000	500.000,000	495.000,000	65.000,000	60.000,000	60.000,000	-	671,000	-	Đang thực hiện dự án: Do thay đổi phương án tuyến định hướng kết nối đường cao tốc
II	Giao dịch, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				3.000,000	580,000	3.000,000	580,000	-	-	-	580,000	3.000,000	580,000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới năm 2021				3.000,000	580,000	3.000,000	580,000	-	-	-	580,000	3.000,000	580,000	
	Dự án nhóm C														
1	Xây dựng ke chắn đất chống sụt lún công trình Trường PTDT mới tại tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng tỉnh Cao Bằng			3.000,000	580,000	3.000,000	580,000	-	-	-	580,000	3.000,000	580,000	Bổ sung đầu tư công trình khác cấp theo Công văn số 1341/UBND-TH ngày 02/6/2021. Chủ đầu tư đề xuất ban Công văn số 957/UBND-TC&KT ngày 16/6/2021
III	Xây dựng nông thôn mới														
(1)	Hỗ trợ và nâng cao năng lực người dân														
1	Huyện Hòa An	Huyện Hòa An					10.000,000	10.000,000	-	-	-	10.000,000	10.000,000	10.000,000	
2	Huyện Hà Quảng	Huyện Hà Quảng					1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000	
3	Huyện Bảo Lâm	Huyện Bảo Lâm					1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000	
4	Huyện Bảo Lạc	Huyện Bảo Lạc					1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000	
5	Huyện Nguyễn Bình	Huyện Nguyễn Bình					1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000	
6	Huyện Thạch An	Huyện Thạch An					1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000	
7	Huyện Hà Lang	Huyện Hà Lang					1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000	
8	Huyện Quảng Hòa	Huyện Quảng Hòa					1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000	
9	Huyện Trùng Khánh	Huyện Trùng Khánh					1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000	
10	Thành phố Cao Bằng	Thành phố Cao Bằng					1.000,000	1.000,000				1.000,000	1.000,000	1.000,000	
(11)	Hỗ trợ đầu tư các xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới				2.500,000	1.450,000	2.500,000	1.450,000	-	-	-	1.450,000	2.500,000	1.450,000	
(1)	Huyện Thạch An				2.500,000	1.450,000	2.500,000	1.450,000	-	-	-	1.450,000	2.500,000	1.450,000	
	Xã Đặc biệt														
a	Danh mục dự án khởi công mới năm 2021														
	Dự án nhóm C														
1	Sân vận động xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Huyện Thạch An	2021	1146/QĐ-UBND, 21/5/2021	2.500,000	1.450,000	2.500,000	1.450,000				1.450,000	2.500,000	1.450,000	



TT	Danh mục dự án	Chức năng Kế toán Sổ sách định mức/đồng các nguồn vốn	Quỹ định dân tư ban đầu		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021		Kế hoạch năm 2021		Điều chỉnh kế hoạch năm 2021		Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		Ghi chú
			TMDT										
B	Nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh		749.000,000	289.000,000	739.000,000	524.000,000	168.000,000	163.000,000	117.504,413	-	108.000,000	45.495,587	
I	Yết dân số và gia đình:		8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000	4.000,000	-	4.000,000	4.000,000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới năm 2021		8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000	4.000,000	-	4.000,000	4.000,000	
	Dự án nhóm C												
I	Xây dựng mới nhà xử nghiệm của trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng	2663/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000	8.000,000	4.000,000		4.000,000	4.000,000	Điều chỉnh giảm theo công văn số 2115/ST-KTTC ngày 16/6/2021 của Sở Y tế do công trình khởi công mới, giao vốn giữa năm nên không có khả năng thực hiện hoàn thành 100% khối lượng và giải ngân tương năm 2021
II	Vấn hóa thông tin:		376.000,00	231.000,00	366.000,00	201.000,00	110.000,00	105.000,00	67.504,41	-	100.000,00	37.495,59	
I.1	Vấn hóa		376.000,00	231.000,00	366.000,00	201.000,00	110.000,00	105.000,00	67.504,41	-	100.000,00	37.495,59	
(1)	Danh mục dự án chuyển tiếp hình thành sau năm 2021		376.000,00	231.000,00	366.000,00	201.000,00	110.000,00	105.000,00	67.504,41	-	100.000,00	37.495,59	
	Dự án nhóm B												
I	Bảo tàng tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng	1936/QĐ-UBND ngày 13/10/2019	376.000,00	231.000,00	366.000,00	201.000,00	110.000,00	105.000,00	67.504,41		37.495,59	Đã bỏ tư điều chuyển tăng vốn nguồn NSTW từ phần giảm của dự án khác sang nên điều chỉnh giảm nguồn thu được từ sắp xếp lại, xử lý trụ sở
III	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		365.000,000	50.000,000	365.000,000	315.000,000	50.000,000	50.000,000	46.000,000	-	4.000,000	4.000,000	
(1)	Danh mục dự án khởi công mới năm 2021		365.000,000	50.000,000	365.000,000	315.000,000	50.000,000	50.000,000	46.000,000	-	4.000,000	4.000,000	
	Dự án nhóm B												
	Trụ sở làm việc UBND - UBND - Đoàn DBQH tỉnh Cao Bằng	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng	2021-2024	365.000,000	50.000,000	365.000,000	315.000,000	50.000,000	46.000,000		4.000,000	4.000,000	Dự án không có khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2021, điều chỉnh giảm kế hoạch vốn và sẽ bỏ trị trong những năm tiếp theo